CÂU ĐIỀU KIỆN LOẠI 1
(FIRST CONDITIONAL SENTENCES)

1. Câu điều kiện loại 1 là gì?

Câu điều kiện loại 1 được dùng để dự đoán những hành động, sự việc, tình huống ***có thể xảy ra trong tương lai*** khi đã có một điều kiện nhất định xảy ra trước.

Ví dụ: The dog will hide if he sees a cat.

2. Cấu trúc câu

Mệnh đề If (Nếu)			Mệnh đề chính (Thì)
If + S + V (hiện tại)			S + **will** + V (0) S + **won't** + V (0)
If	I	am (not)	
	He, She, It, Số ít	is (not)	
	You, We, They, Số nhiều	are (not)	
If	I, You, We, They, Số nhiều	V (0)	
	He, She, It, Số ít	V (s/es/ies)	
If	I, You, We, They, Số nhiều	don't + V (0)	
	He, She, It, Số ít	doesn't + V (0)	

Lưu ý:

– Mệnh đề điều kiện (If) có thể đứng **ở vế đầu** hoặc **vế sau** của câu.

+ Đứng ở vế đầu: **If** + S + V (hiện tại), S + **will** + V (0).

Ví dụ: If the dog sees a cat, he will hide.

+ Đứng ở vế sau: S + **will** + V (0) **if** S + V (hiện tại).

Ví dụ: The dog will hide if he sees a cat.

– Trong câu điều kiện dạng phủ định, bạn có thể thay thế "If not" thành "Unless" (Nếu không … thì).

Ví dụ:

Sử dụng ***IF… NOT***: **IF** you **don't** study hard, you wont't get higher results.

Sử dụng ***UNLESS***:

~~**IF**~~ you ~~**don't**~~ study hard, you wont't get higher results.

→ UNLESS you study hard, you wont't get higher results.

LIVEWORKSHEETS

BÀI TẬP

Exercise 1: Choose the correct form of verbs.

1. **If** you (send) ..... this letter now, she (receive) ..... it tomorrow.

2. **If** I (do) ..... this test, I (improve) ..... my English.

3. **If** I (find) ..... your ring, I (give) ..... it back to you.

4. Peggy (go) ..... shopping **if** she (have) ..... time in the afternoon.

5. Simon (go) ..... to London next week **if** he (get) ..... a cheap flight.

6. **If** her boyfriend (not/phone) ..... today, she (leave) ..... him.

7. **If** they (not/study/) ..... harder, they (not/pass) ..... the exam.

8. **If** it (rain) ..... tomorrow, I (not/have to) ..... water the plants.

9. You (not/be able) ..... to sleep **if** you (watch) ..... this scary film.

10. Susan (can/not/move) ..... into the new house **if** it (not/be) ..... ready on time.

11. **If** I ..... (go) out tonight, I ..... (go) to the cinema.

12. **If** you ..... (get) back late, I ..... (be) angry.

13. **If** we ..... (not / see) each other tomorrow, we ..... (see) each other next week.

14. **If** he ..... (come), I ..... (be) surprised.

15. **If** we ..... (wait) here, we ..... (be) late.

16. **If** we ..... (go) on holiday this summer, we ..... (go) to Spain.

17. **If** the weather ..... (not / improve), we ..... (not / have) a picnic.

18. **If** I ..... (not / go) to bed early, I ..... (be) tired tomorrow.

19. **If** we ..... (eat) all this cake, we ..... (feel) sick.

20. **If** you ..... (not / want) to go out, I ..... (cook) dinner at home.

LIVEWORKSHEETS

21. I ..... (come) early **if** you ..... (want).

22. They ..... (go) to the party **if** they ..... (be) invited.

23. She ..... (stay) in London **if** she ..... (get) a job.

24. He ..... (not / get) a better job **if** he ..... (not / pass) that exam.

25. I ..... (buy) a new dress **if** I ..... (have) enough money.

26.She ..... (cook) dinner **if** you ..... (go) to the supermarket.

27. They ..... (go) on holiday **if** they ..... (have) time.

28. We ..... (be) late **if** we ..... (not / hurry).

29. She ..... (take) a taxi **if** it ..... (rain).

30. I ..... (not / go) **if** you ..... (not / come) with

Exercise 2: Rearrange these words into the first conditional sentences.

1. she/ pass / Linda / If / the exam / will / studies / harder.

→ If .....

2. will / you / If / come / the party / to / play / we / together.

→ If .....

3. the bus / If / catch / late / won't / at / school / be / we / on time.

→ If .....

4. If / rains / tomorrow / it / picnic / have / won't / we / a.

→ If .....

5. the movie / the tickets / If / buy, / we / can / watch.

→ If .....

Exercise 3: Rewrite the sentences with using "UNLESS".

Example: **~~If~~** you **~~don't~~** tell your parents, they will be surprised.

→ **Unless** you tell your parents, they will be surprised.

LIVEWORKSHEETS

1. If I don’t know his phone number, I won't be able to give him a ring.

→ Unless .....

2. If we don't have enough time, we won't help you.

→ Unless .....

3. If you don't eat anything, you'll be hungry.

→ Unless .....

LIVEWORKSHEETS